

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 01/4/2024.

V/v “Xác định cha cho con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

2. Bà Nguyễn Thị Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nhật Vi Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 586/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Võ Thanh D**. Sinh năm 1986.

Địa chỉ: **D, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Bị đơn: Bà **Phan Thị Út L**. Sinh năm 1982.

Địa chỉ: **7 T, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Đoàn Ngọc T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 5, Thôn 4, xã Mê Pu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở: Ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **D** trình bày:

Ông **D** và bà **Phan Thị Út L** quen nhau năm 2011, lúc đó bà **L** đã sống ly thân với ông **Đoàn Ngọc T** (đang đợi làm thủ tục ly hôn chính thức). Ông **D** và bà **L** đã nảy sinh tình cảm và có bé **Đoàn Thụy Á** sinh ngày 21/09/2012. Do bé **Á** sinh ra trong thời kì hôn nhân giữa bà **L** và ông **T** nên khi làm giấy khai sinh cho bé **Á**, bà **L** buộc đề tên ông **Đoàn Ngọc T** là cha của bé trên giấy khai sinh. Sự việc này ông **T** có biết và không có ý kiến. Sau đó ông **T** và bà **L** ly hôn theo Quyết

định số 136/2014/HNGDDST-VDS-TL ngày 04/7/2014 của Tòa án nhân dân Quận 3, trong quyết định thể hiện bà L được trực tiếp nuôi dưỡng bé A. Nay để làm rõ vấn đề hộ tịch cho bé ông D đề nghị tòa án công nhận bé Đoàn Thụy A là con ruột của ông D.

Tại bản tự khai và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà L trình bày:

Trong thời gian hôn nhân với ông Đoàn Ngọc T, bà L và ông T đã ly thân vào năm 2011. Tuy nhiên do lúc đó con chung giữa bà L với ông T còn nhỏ nên vẫn chưa làm thủ tục ly hôn. Đến cuối năm 2011, bà L có quen biết ông Võ Thanh D và hai bên có con chung là bé Đoàn Thụy A, sinh ngày 21/09/2012. Trong quá trình đợi tòa án quyết định ly hôn bà L có đăng ký khai sinh cho bé A với tên cha là ông T. Sau đó ông T và bà L ly hôn theo Quyết định số 136/2014/HNGDDST-VDS-TL ngày 04/7/2014 của Tòa án nhân dân Quận 3. Tới nay bé A đã lớn và theo mong muốn của gia đình. Bà L xin tòa án xem xét giải quyết cho bé Đoàn Thụy A làm lại giấy tờ theo ba ruột của bé là ông Võ Thanh D.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T trình bày:

Ông T và bà L đăng ký kết hôn vào năm 2005. Sau đó cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, nguyên nhân do không hợp tính tình nên đã ly thân vào năm 2010, mỗi người sống một nơi. Cả hai nhận thấy tình cảm không còn nên đã quyết định ly hôn. Trong thời gian phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân, bà L có gặp gỡ, quen biết với ông D và cả hai cùng có con chung là bé Đoàn Thụy A, sinh ngày 21/09/2012. Do lúc đó bà L với ông T chưa ly hôn nên bé A lấy họ của ông T trong giấy khai sinh. Sau khi ông T, bà L ly hôn theo Quyết định số 136/2014/HNGDDST-VDS-TL ngày 04/7/2014 của Tòa án nhân dân Quận 3 thì bà L và ông D đã đăng ký kết hôn. Nay bé A đã lớn, ông T đề nghị Tòa án xác định lại nhân thân cho bé với tên cha là ông D.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được vì ông T có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông D, bà L, ông T có đơn xin vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:
 - + Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.
 - + Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông D, bà L, ông T vì có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét ông **D** có yêu cầu Tòa án xác định trẻ **Đoàn Thụy Á**, sinh ngày 21/09/2012 là con của ông **D**. Đây là tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bà **L** có hộ khẩu thường trú tại **Quận C**. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **T** có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Ông **D**, bà **L**, ông **T** cùng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Căn cứ Giấy khai sinh số 296, quyền số 02/2012 do Ủy ban nhân dân Phường H1 (nay là phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/11/2012 thì trẻ **Đoàn Thụy Á**, sinh ngày 21/9/2012 có cha là ông **Đoàn Ngọc T**.

[2.2] Căn cứ Kết quả xét nghiệm DNA huyết thống số 8850-DTHPT-DNA HT ngày 22/01/2024 của **Bệnh viện T1** thì xác suất ông **D** là cha đẻ của trẻ **Đoàn Thụy Á** là 99,9999%.

Đồng thời ông **T** xác nhận trẻ **Á** là con của ông **D**.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định ông **D** là cha ruột của trẻ **Á**. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông **D** là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình là có cơ sở nên được chấp nhận.

“Điều 89. Xác định con

1. Người không được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó là con mình”.

Như đã phân tích, xét yêu cầu của ông **D**, bà **L**, ông **T** và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tại phiên tòa sơ thẩm có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà **Phan Thị Út L** phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. **H** lại cho ông **Võ Thanh D** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0002315 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 4, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 207; Điều 208; Điều 227; Điều 228 và khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1, Điều 89 và khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Thanh D.**

Xác định ông **Võ Thanh D** là cha ruột của trẻ **Đoàn Thụy Á**, sinh ngày 21/9/2012.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đề điều chỉnh giấy tờ liên quan đến nhân thân của trẻ **Đoàn Thụy Á**.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Bà **Phan Thị Út L** phải chịu toàn bộ án phí số tiền là 300.000 đồng.

- **H** lại cho ông **Võ Thanh D** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0002315 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA dân sự Q.3;
- UBND P.Võ Thị Sáu, Q.3;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Tuấn